TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **532**/QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học ngành Quan hệ công chúng

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN ngày 01/10/2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo đại học ngành ngành Quan hệ công chúng, mã số: 7320208 *(có văn bản chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm học 2023 - 2024.

Điều 3. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa Công tác Thanh thiếu niên và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu: TC-HC, Khoa CTTTN.

GIÁM ĐỐC

TRUNG ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

TS. Nguyễn Hải Đăng

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

(Ban hành theo Quyết định số 532/QĐ-HVTTNVN ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Quan hệ công chúng

+ Tên tiếng Anh: Public Relations

+ Mã số ngành đào tạo: 7380108

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo chuẩn khoá học: 4 năm

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân

- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, được trang bị những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về truyền thông, báo chí, cùng thực tiễn truyền thông và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan; có tư duy phản biện để phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến truyền thông; có kỹ năng thực hành, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo giải quyết những vấn đề pháp lý góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đào tạo đội ngũ cử nhân có trình độ chuyên môn bậc đại học về chuyên ngành Quan hệ công chúng, khả năng thực hiện công tác Quan hệ công chúng trong các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức Đoàn các cấp; các doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ; đồng thời có thể tự học để nâng cao trình độ hoặc tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học.

2.2. Các mục tiêu cụ thể:

PO1: Áp dụng được hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.

PO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng, phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội; nghiên cứu khoa học, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm...vào thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.

PO3: Tổ chức, phát triển và quản lý các hoạt động quan hệ công chúng trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp gồm: phân tích, thiết kế các chiến dịch quan hệ công chúng phù hợp với từng thể loại và đối tượng, bao gồm: nghiên cứu công chúng; sáng tạo thông điệp; lựa chọn phương tiện, cách thức truyền thông; đánh giá chất lượng, hiệu quả truyền thông khi thực hiện các chiến dịch cụ thể; xây dựng mối quan hệ với các nhóm công chúng, đối tác và khách hàng; xử lý khủng hoảng truyền thông cho các cơ quan, doanh nghiệp, báo đài.

PO4: Sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và thiết kế các sản phẩm truyền thông truyền thống và truyền thông đa phương tiện đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

PO5: Diễn đạt các nội dung, ý tưởng, chủ đề truyền thông bằng ngôn ngữ lời nói, ngôn ngữ viết và ngôn ngữ cơ thể trôi chảy, chuẩn xác, sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan hệ công chúng - truyền thông.

PO6: Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014.

PO7: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.

PO8: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và có khả năng chịu trách nhiệm trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.

PO9: Hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, tích cực chủ động tham gia tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Đảng và Nhà nước cho cộng đồng xã hội nói chung, Đoàn thanh niên nói riêng, góp phần nâng cao vai trò của Quan hệ công chúng, truyền thông trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (KT)

PLO1: Kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam và các đặc trưng về văn hóa – xã hội, kinh tế - thương mại của Việt Nam và các quốc gia.

PLO2: Kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản.

PLO3: Kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, luật pháp trong nước và quốc tế; kiến thức về lập kế hoạch công việc, tổ chức quản lý điều hành các hoạt động chuyên môn.

PLO4: Kiến thức cơ bản về QHCC và truyền thông bao gồm: lý luận, mô

hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ, chiến lượcluật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong QHCC; nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án QHCC.

PLO5: Kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing vào hoạt động nghiên cứu và thực hành Quan hệ công chúng.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (KN)

PLO6: Kỹ năng lập kế hoạch Quan hệ công chúng: nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề; tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án Quan hệ công chúng.

PLO7: Kỹ năng thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.

PLO8: Kỹ năng quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng, quản lý các hoạt động, chiến dịch, dự án Quan hệ công chúng.

PLO9: Kỹ năng giải quyết vấn đề và thể hiện quan điểm, dấu ấn cá nhân trong quá trình làm việc.

PLO10: Kỹ năng giao tiếp hợp tác và xây dựng các mối quan hệ trong quá trình làm việc; Đồng thời có kỹ năng làm việc độc lập và phát triển bản thân.

PLO11: Kỹ năng tranh luận phê phán và truyền tải thông tin, giải pháp đến đồng nghiệp hoặc các nhóm làm việc.

PLO12: Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và các phần mềm công nghệ thông tin cơ bản phục vụ nhu cầu công việc.

3.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm (TC)

PLO13: Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm, có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

PLO14: Thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm trong công việc, có đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự chủ, có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

PLO15: Năng lực lãnh đạo, điều phối, quản lý các nguồn lực, dẫn dắt khởi nghiệp các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.

3.4. Chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ, tin học

- NN: Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014

- IT: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng, người học có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc ở các nhóm sau:

Nhóm 1- Nhân viên, chuyên viên truyền thông, quan hệ công chúng trong tổ chức Đoàn các cấp, các doanh nghiệp (nhà nước và tư nhân); các cơ quan, tổ chức trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội; các cơ quan thông tấn báo chí; các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế...

- Chuyên viên quan hệ công chúng;
- Chuyên viên marketing và quan hệ công chúng;
- Chuyên viên phát triển thương hiệu;
- Chuyên viên quan hệ báo chí;
- Chuyên viên quan hệ cộng đồng;
- Chuyên viên tổ chức sự kiện;
- Chuyên viên truyền thông nội bộ;
- Chuyên viên xử lý khủng hoảng;
- Chuyên viên gây quỹ và tài trợ;
- Chuyên viên quan hệ đối ngoại;
- Chuyên viên sáng tạo nội dung;
- Phóng viên, biên tập viên, người dẫn chương trình;
- Triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án và giám đốc doanh nghiệp.

Nhóm 2- Chuyên viên phân tích và tư vấn quan hệ công chúng làm việc tại các công ty tư vấn và/hoặc các công ty cung cấp dịch vụ truyền thông và marketing (agency)

- Chuyên viên làm việc tại các công ty và tổ chức tư vấn quản trị truyền thông doanh nghiệp, các Bộ và Sở, Ban, Ngành liên quan; có thể đảm nhận các công việc: trợ lý phân tích và lập báo cáo về môi trường truyền thông đối nội và đối ngoại của đơn vị;
- Trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược truyền thông trong kinh doanh, phát triển đội ngũ nhân sự, xây dựng và phát triển thương hiệu, uy tín... của doanh nghiệp;
- Tiển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp và tổ chức.

Nhóm 3- Nghiên cứu viên và giảng viên trong lĩnh vực truyền thông và quan hệ công chúng làm việc trong các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu

- Nghiên cứu viên tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến truyền thông, quan hệ công chúng;
- Giảng viên tham gia giảng dạy các môn học liên quan đến lĩnh vực truyền

thông, quan hệ công chúng và thương hiệu;

- Triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp, nhà quản lý trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu về truyền thông và quan hệ công chúng.

Nhóm 4- Các công việc khác mà người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo quan hệ công chúng của Học viện có thể đảm nhiệm gồm:

- Tự mở doanh nghiệp riêng hoặc tạo lập hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực truyền thông và quan hệ công chúng

- Tham gia các chương trình đào tạo chuyển đổi, bổ sung những kiến thức chuyên ngành gần khác để theo học các chương trình đào tạo văn bằng kép hoặc học tiếp ở các bậc cao hơn; tạo lập doanh nghiệp trong lĩnh vực truyền thông và quan hệ công chúng.

5. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

5.1 Ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra vào mục tiêu chương trình đào tạo

STT	Mã CĐR	Mục tiêu 1	Mục tiêu 2	Mục tiêu 3	Mục tiêu 4	Mục tiêu 5	Mục tiêu 6	Mục tiêu 7	Mục tiêu 8	Mục tiêu 9
1	POL1	3	2	1	0	0	0	0	0	0
2	POL2	1	2	3	0	0	0	0	1	1
3	POL3	1	3	3	3	2	3	3	1	1
4	POL4	1	2	3	1	2	1	1	1	1
5	POL5	2	2	3	0	3	0	0	1	1
6	POL6	0	1	3	3	3	0	0	1	1
7	POL7	0	1	3	3	3	0	0	0	0
8	POL8	0	1	3	0	0	0	0	2	2
9	POL9	0	0	3	2	2	0	0	3	3
10	POL10	0	2	3	3	3	0	0	3	3
11	POL11	0	0	3	3	3	0	0	2	2
12	POL12	0	0	0	3	2	3	3	0	0
13	POL13	0	2	3	0	3	0	0	3	3
14	POL14	0	1	3	0	3	0	0	3	3
15	POL15	0	2	2	0	2	0	0	1	1
16	NN	0	0	0	0	0	2	2	0	0
17	IT	0	0	0	0	0	2	2	0	0

Ghi chú: 0: không có đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao

5.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

BỘ CĐR / HP	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
Triết học Mác-Lênin	V	V	V	-	-	-	-	-	-	-	V	V	T	T	T
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	V	V	V	-	-	-	-	-	-	-	V	-	T	T	T
Chủ nghĩa xã hội khoa học	V	V	V	-	-	-	-	-	-	-	V	-	T	T	T
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	V	V	V	-	-	-	-	-	-	-	V	-	T	T	T
Tư tưởng Hồ Chí Minh	V	V	V	-	-	-	-	-	-	-	V	-	T	T	T
Tâm lý học đại cương	V	V	V	-	-	-	-	-	-	-	V	-	T	T	T
Xã hội học đại cương	V	V	V	-	-	-	-	-	-	-	V	-	T	T	T
Phương pháp nghiên cứu khoa học	V	V	V	-	-	-	-	-	-	-	V	V	T	T	T
Thống kê trong khoa học xã hội	V	V	V	-	-	-	-	-	-	-	V	V	T	T	T

Khởi nghiệp trong thanh niên	V	V	V	-	-	-	-	-	-	-	V	V	T	T	T
Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi	V	V	V	V	V	-	-	-	-	-	V	-	T	T	T
Kỹ năng tổ chức các hoạt động Thanh thiếu niên	V	V	V	V	V	-	V	-	-	-	V	V	T	T	T
Pháp luật đại cương	V	-	V	-	-	-	-	-	-	-	V	-	T	T	T
Tin học đại cương		-	V	-	-	-	-	-	-	-		V	T	T	T
Tiếng Anh 1	V	-	V	-	-	-	-	-	-	-	V	V	T	T	T
Tiếng Anh 2	V	-	V	-	-	-	-	-	-	-	V	V	T	T	T
Tiếng Anh 3	V	-	V	-	-	-	-	-	-	-	V	V	T	T	T
Vũ Quốc tế	V	-	V	-	V	-	-	-	-	-	V	-	T	T	T
Cơ sở văn hoá Việt Nam	V	-	V	-	V	-	-	-	-	-	V	-	T	T	T
Nhập môn Quan hệ công chúng	-	V	V	C	C	C	V	-	-	C	V	C	V	V	V

Lý thuyết truyền thông	-	V	V	C	C	C	-	-	-	C	V	C	V	V	V
Marketing và Quảng cáo	-	V	V	C	C	C	-	-	-	C	V	C	V	V	V
Công chúng truyền thông	-	V	V	C	C	C	-	C	-	C	V	C	V	V	V
Quan hệ với báo chí và truyền thông	-	V	V	C	C	C	-	C	V	C	V	C	V	V	V
Kỹ thuật ghi hình và dựng hình	-	V	V	C	C	C	C	-	-	C	V	C	V	V	V
Thiết kế sản phẩm truyền thông	V	V	V	C	C	C	C	-	-	C	V	C	V	V	V
Tổ chức sự kiện	V	V	V	C	C	C	C	-	V	C	V	C	V	V	V
Truyền thông đa phương tiện	V	V	V	C	C	C	C	-	-	C	V	C	V	V	V
Các phương tiện truyền thông	-	V	V	C	C	C	-	-	-	C	V	C	V	V	V
Kỹ năng thuyết trình	V	V	V	C	C	C	-	-	-	C	V	C	V	V	V
Kỹ năng viết cho Quan hệ công chúng	-	V	V	C	C	C	C	-	-	C	V	C	V	V	V

Quan hệ công chúng ứng dụng	V	V	V	C	C	C	V	C	V	C	V	C	V	V	V
Truyền thông tiếp thị tích hợp	-	V	V	C	C	C	-	-	-	C	V	C	V	V	V
Lập kế hoạch Quan hệ công chúng	-	V	V	C	C	C	-	C	-	C	V	C	V	V	V
Quản trị thương hiệu	V	V	V	C	C	C	-	-	V	C	V	C	V	V	V
Truyền thông liên văn hóa	V	V	V	C	C	C	-	-	-	C	V	C	V	V	V
Xử lý khủng hoảng		V	V	C	C	C	-	-	V	C	V	C	V	V	V
Hành vi khách hàng	V	V	V	C	C	C	-	-	-	C	V	C	V	V	V
Truyền thông số	V	V	V	C	C	C	V	-	-	C	V	C	V	V	V
Hoạt động truyền thông trong công tác Đoàn	V	V	V	C	C	C	V	-	V	C	V	C	V	V	V
Đạo đức và pháp luật truyền thông	V	V	V	C	C	C	-	-	-	C	V	C	V	V	V
Tác động của Quảng cáo trong xã hội	V	V	V	C	C	C	-	-	-	C	V	C	V	V	V

Thực tập nghề nghiệp	-	V	V	C	C	C	C	-	V	C	V	C	V	C	V
Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và truyền thông nội bộ	-	V	V	C	C	C	-	-	-	C	V	C	V	V	V
Dự án Quan hệ công chúng	-	V	V	C	C	C	C	-	V	C	V	C	V	C	V
Thực tập tốt nghiệp	-	V	V	C	C	C	C	-	V	C	-	C	V	C	V
Khóa luận tốt nghiệp	-	-	-	-	V	V	-	-	-	-	-	-	V	V	-

6. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra

6.1. Kế hoạch thực hiện để đạt chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

6.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam./.

GIÁM ĐỐC

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

TS. Nguyễn Hải Đăng